

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3383/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:500 Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô, tại khu âu Cô Tô và khu Vụng Trường Xuân, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ văn bản số 4702/UBND-XD4 ngày 22/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao chủ đầu tư thực hiện dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3430/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét Tờ trình số 1255/TTr-BQLDANN ngày 28/10/2022 về việc trình phê duyệt dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô và Văn bản số 1393/BQLDANN-KTTD ngày 25/11/2022 về việc giải trình làm rõ các ý kiến về hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh (chủ đầu tư)

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch (kèm theo báo cáo số 2238/BC-TCTS-KHTC ngày 20/12/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh.
- 4. Mục tiêu:** Đầu tư hoàn thiện Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Cô Tô, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận vào neo trú an toàn khi có bão, giảm thiểu thiệt hại cho người và tài sản của ngư dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội huyện đảo Cô Tô và tỉnh Quảng Ninh.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Khu âu tàu Cô Tô.

5.1.1. Công trình neo đậu: Tận dụng hệ thống phao neo và luồng vào hiện có, bố trí lại khu neo đậu đáp ứng neo đậu khoảng 360 tàu cá có công suất từ 90CV đến 800CV, bao gồm:

- Khu neo đậu tàu 800CV: Cao độ đáy -5,3m; gồm 06 cụm phao neo.
- Khu neo đậu tàu 400CV-600CV: Cao độ đáy -4,3m; gồm 08 cụm phao neo.
- Khu neo đậu tàu 200CV-400CV: Cao độ đáy -4,3m; gồm 11 cụm phao neo.
- Khu neo đậu tàu 145CV-200CV: Cao độ đáy -3,9m; gồm 11 cụm phao neo.
- Khu neo đậu tàu 90CV-145CV: Cao độ đáy -3,9m; gồm 03 cụm phao neo.

5.1.2. Công trình báo hiệu:

- Bố trí 2 phao báo hiệu luồng tại vị trí cửa ra vào khu neo đậu.
- Bố trí cột báo hiệu tại đầu đê chắn sóng và biển chỉ dẫn khu neo đậu.

5.1.3. Công trình bảo vệ khu nước:

- Xây dựng đê chắn sóng phía Bắc kết hợp tuyến đê chắn sóng phía Nam hiện hữu tạo thành hệ thống công trình bảo vệ khu nước neo đậu tránh trú bão cho tàu cá,

đảm bảo yêu cầu của *TCVN 11153:2016 Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá – Yêu cầu chung* về chiều cao sóng giới hạn và tốc độ dòng chảy xuất hiện trong bão cấp 12 tại vùng nước neo đậu tàu.

- Chiều dài tuyến đê khoảng 554m; Cao trình mặt đê: +4,0m, cao trình đáy -4,0m; Kết cấu trọng lực tường đứng, đầu đê có phủ khối dệ hình phá sóng phản xạ, chống xói phía biển và phía trong khu nước bằng khối bê tông và đá hộc xếp lớp.

- Nền đê chắn sóng nạo vét thay nền đất yếu bằng cát đến mặt đá đảm bảo ổn định công trình, cát thay nền tận dụng từ vật liệu nạo vét vụng Trường Xuân.

5.1.4. Xây dựng đường kết nối từ khu dịch vụ hậu cần nghề cá với tuyến đường đầu cảng Cô Tô hiện có:

- Chiều dài tuyến khoảng 1,3km, vận tốc thiết kế 40Km/h; $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$; $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$; Tải trọng trục thiết kế $P=10\text{T}$.

- Kết cấu mặt đường bê tông xi măng, móng cấp phối đá dăm, nền đắp cát đầm chặt (tận dụng sản phẩm nạo vét tại vụng Trường Xuân); Vía hè lát gạch, rãnh thu nước, cống thoát nước ngang đường, kè phòng hộ theo yêu cầu địa hình thực tế.

- Hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ dọc tuyến; Hệ thống an toàn giao thông đồng bộ theo quy chuẩn QCVN41: 2019/BGTVT.

5.2. Khu neo đậu tàu vụng Trường Xuân.

5.2.1. Khu nước neo đậu tránh trú bão: Xây dựng mới khu nước và công trình phục vụ neo đậu trú bão cho 840 tàu đến 200CV, bao gồm:

- Khu neo đậu tàu 90CV-200CV: Cao độ đáy -3,9m; gồm 11 cụm phao neo.
- Khu neo đậu tàu 45CV-90CV: Cao độ đáy -3,6m; gồm 36 cụm phao neo.
- Khu neo đậu tàu < 45CV: Cao độ đáy -3,4m; tàu được neo đậu bằng hệ thống neo của tàu.

5.2.2. Công trình báo hiệu: Bố trí 04 phao báo hiệu từ cửa vào và các biển chỉ dẫn khu neo đậu.

5.2.3. Luồng ra vào khu neo đậu: Kết nối từ tuyến luồng giao thông thủy nội địa vào khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Chiều rộng luồng tàu 30m; Cao độ đáy luồng -3,0m đối với đoạn luồng ngoài có chiều dài khoảng 800m (tần suất mực nước chạy tàu 80%) và -3,9m đối với đoạn luồng phía trong khu neo đậu.

5.2.4. Điểm lên xuống cho tàu cá phục vụ cho ngư dân: Bến cập tàu có chiều dài 50m; Cao độ mặt bến +3,0m; Cao độ đáy khu nước -3,9m; Kết cấu bến trọng lực.

5.2.5. Xây dựng đường kết nối từ đường hiện trạng tới điểm lên xuống:

- Chiều dài đường khoảng 192m, đường cấp V đồng bằng và đồi, vận tốc thiết kế 40Km/h; $B_{\text{nền}} = 6,50\text{m}$; $B_{\text{mặt}} = 5,50\text{m}$.

- Kết cấu mặt đường Bê tông xi măng, móng cấp phối đá dăm, nền đắp cát tận dụng đầm chặt (tận dụng từ sản phẩm nạo vét tại vụng Trường Xuân).

5.3. Nạo vét khu nước, luồng tàu.

5.3.1. Nạo vét:

- Nạo vét tại âu Cô Tô: Gồm nạo vét khu nước và đào móng đê kè. Tổng khối lượng khoảng 112.000m³.

- Nạo vét tại khu vực vụng Trường Xuân: Gồm nạo vét luồng tàu, khu nước và đào móng điểm lên xuống của tàu cá. Tổng khối lượng khoảng 1.156.000m³.

5.3.2. Bãi chứa chất nạo vét.

Vật liệu nạo vét được sử dụng để san lấp tạo mặt bằng khu đất khu hậu cần của khu neo đậu. Khối lượng còn lại khoảng 1.100.000m³ vật liệu nạo vét được lưu chứa tại các khu vực trên đảo Cô Tô được UBND Tỉnh chỉ định tại Quyết định số 3430/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển hạ tầng Quảng Ninh, Công ty cổ phần tập đoàn Đông Dương và Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật hạ tầng giao thông.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất xây dựng công trình:

7.1. Địa điểm xây dựng: Huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.

7.2. Diện tích sử dụng đất: 106,59ha. Bao gồm:

- Diện tích khu âu Cô Tô: 58,10ha (trong đó: diện tích mặt nước khoảng 45,3ha).
- Diện tích khu vụng Trường Xuân: 48,49ha (trong đó: diện tích mặt nước khoảng 47,7ha).

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

8.1. Nhóm dự án: Nhóm B.

8.2. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

9.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: tại Phụ lục II kèm theo.

10. Tổng mức đầu tư: 658.981.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi tám tỷ, chín trăm tám mươi một triệu đồng).

Bao gồm:

- Chi phí GPMB:	3.335.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	531.293.286.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	7.584.550.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	21.229.027.000 đồng
- Chi phí khác:	11.823.172.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	83.715.662.000 đồng

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm, kể từ năm khởi công.

12. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn từ Ngân sách trung ương (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý): 499.999.000.000 đồng.

- Vốn Ngân sách địa phương (do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quản lý): 158.982.000.000 đồng.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Phương án giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Giải phóng mặt bằng trong phạm vi diện tích mặt đất, mặt nước thực hiện dự án theo chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng hiện hành.

15. Các nội dung khác:

15.1. Các lưu ý trong trong giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Khảo sát bổ sung địa hình địa chất theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, lựa chọn giải pháp kỹ thuật tối ưu kết cấu công trình đề chắn sóng, bến cập tàu, đường giao thông, kè bờ đảm bảo ổn định, kỹ thuật, kinh tế.

b) Các nội dung được phép thay đổi trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở: Chi tiết tuyến đường giao thông/cấp thoát nước, chiều sâu chôn móng, chi tiết cấu kiện phá sóng, vị trí các cột, hồ ga trên tuyến đường. Việc điều chỉnh thay đổi không làm vượt tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho dự án.

c) Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế thi công, thiết kế xây dựng công trình, phù hợp yêu cầu của quy hoạch xây dựng của địa phương đã được phê duyệt và đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại các Điều: 25; 26; 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

15.2. Đề nghị đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

a) Quy định cụ thể địa điểm đổ thải, giải pháp bảo vệ môi trường trong vận chuyển tồn chứa chất nạo vét.

b) Quy định nội dung quản lý sử dụng và các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc sử dụng khối lượng chất nạo vét thu hồi từ việc nạo vét khu nước Dự án phù hợp yêu cầu của pháp luật liên quan.

c) Tổ chức lập và phê duyệt Đề án quản lý sau đầu tư dự án. Tổ chức tiếp nhận quản lý tài sản hình thành từ Dự án, giao đơn vị quản lý sử dụng, khai thác vận hành đúng mục tiêu đầu tư.

15.3. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

a) Báo cáo UBND Tỉnh có kế hoạch đầu tư đồng bộ hệ thống thông tin liên lạc, trang thiết bị đảm bảo hoạt động của khu neo đậu tránh trú bão theo định mức trang thiết bị chuyên dùng của Tỉnh.

b) Quyết định sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để tổ chức quản lý dự án.

c) Căn cứ bản đồ ô nhiễm bom mìn, vật nổ để đề xuất công tác rà phá bom mìn theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

d) Xây dựng phương án ứng phó thiên tai cho công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng.

đ) Xây dựng phương án đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo an toàn môi trường khi thực hiện các hoạt động xây dựng tại vị trí, phạm vi dự án để được cơ quan chức năng địa phương giám sát, điều phối theo quy định của pháp luật.

e) Xây dựng nội dung giám sát, quản lý đối với việc thi công nạo vét, vận chuyển, lưu chứa chất nạo vét đúng quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Tổng cục Thủy sản thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng, là đơn vị đầu mối thẩm định, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ.

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường; bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Phùng Đức Tiến;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Kho bạc NN tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp